

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 243 /GDĐT-VP

Quận 12, ngày 07 tháng 3 năm 2025

Về việc rà soát Cơ sở dữ liệu dùng chung
của Ngành giáo dục và đào tạo
Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi:

- Chủ các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, mầm non;
- Hiệu trưởng trường mẫu giáo - mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (công lập và ngoài công lập).

Căn cứ Kế hoạch số 1004/KH-SGDĐT ngày 06/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát Cơ sở dữ liệu dùng chung của Ngành giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận thực hiện các nội dung sau:

Trên hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo của Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ <https://csdl.hcm.edu.vn/> các đơn vị rà soát, thu thập, cập nhật dữ liệu theo yêu cầu lên CSDL dùng chung của Ngành (Phụ lục đính kèm).

Các cơ sở giáo dục trực thuộc phối hợp với công an địa phương tổ chức cấp căn cước công dân và kích hoạt định danh điện tử mức 2 trên ứng dụng VNeID đối với các cá nhân đủ 14 tuổi chưa có căn cước công dân hoặc chưa kích hoạt định danh điện tử mức 2.

Thời gian thực hiện: **từ ngày 10/3/2025 đến 15/3/2025.**

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị quan tâm thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Khưu Mạnh Hùng

Phụ lục I
TRƯỜNG DỮ LIỆU RÀ SOÁT ĐỐI VỚI HỌC SINH MÀM NON
(Đính kèm Công văn số: 243/GDĐT-VH ngày 07 tháng 3 năm 2025
của Phòng Giáo dục và Đào tạo)



STT	Trường dữ liệu rà soát	Ghi chú
1	Họ tên	
2	Ngày sinh	
3	Giới tính	
4	Dân tộc	
5	Quốc tịch	
6	Tôn giáo	
7	Tỉnh/Thành phố	Theo địa chỉ thường trú
8	Quận/Huyện	Theo địa chỉ thường trú
9	Xã/Phường	Theo địa chỉ thường trú
10	Tổ/Thôn/Xóm	Theo địa chỉ thường trú
11	Số nhà, tên đường	Theo địa chỉ thường trú
12	Tỉnh/Thành phố	Theo quê quán
13	Quận/Huyện	Theo quê quán
14	Xã/Phường	Theo quê quán
15	Tỉnh/Thành phố	Theo nơi sinh
16	Quận/Huyện	Theo nơi sinh
17	Xã/Phường	Theo nơi sinh
18	Tỉnh/Thành phố	Theo chỗ ở hiện nay
19	Quận/Huyện	Theo chỗ ở hiện nay
20	Xã/Phường	Theo chỗ ở hiện nay
21	Khu phố/Ấp	Theo chỗ ở hiện nay

22	Số nhà, tên đường	Theo chỗ ở hiện nay
23	Số điện thoại liên hệ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2, số điện thoại này dùng để liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. (không được để trống)
24	Số định danh cá nhân	
25	Họ tên cha	
26	Nghề nghiệp cha	
27	Năm sinh cha	
28	Số điện thoại cha	
29	Họ tên mẹ	
30	Nghề nghiệp mẹ	
31	Năm sinh mẹ	
32	Số điện thoại mẹ	
33	Họ tên người giám hộ	
34	Nghề nghiệp người giám hộ	
35	Năm sinh người giám hộ	
36	Số điện thoại người giám hộ	
37	Căn cước cha	
38	Căn cước mẹ	
39	Căn cước người giám hộ	



Phụ lục II

TRƯỜNG DỮ LIỆU RÀ SOÁT ĐỐI VỚI HỌC SINH TIỂU HỌC

(Đính kèm Công văn số: 243/GDĐT-VP ngày 07 tháng 3 năm 2025
của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	Trường dữ liệu rà soát	Ghi chú
1	Họ tên	
2	Ngày sinh	
3	Giới tính	
4	Dân tộc	
5	Quốc tịch	
6	Tôn giáo	
7	Tỉnh/Thành phố	Theo địa chỉ thường trú
8	Quận/Huyện	Theo địa chỉ thường trú
9	Xã/Phường	Theo địa chỉ thường trú
10	Tổ/Thôn/Xóm	Theo địa chỉ thường trú
11	Số nhà, tên đường	Theo địa chỉ thường trú
12	Tỉnh/Thành phố	Theo quê quán
13	Quận/Huyện	Theo quê quán
14	Xã/Phường	Theo quê quán
15	Tỉnh/Thành phố	Theo nơi sinh
16	Quận/Huyện	Theo nơi sinh
17	Xã/Phường	Theo nơi sinh
18	Tỉnh/Thành phố	Theo chỗ ở hiện nay
19	Quận/Huyện	Theo chỗ ở hiện nay
20	Xã/Phường	Theo chỗ ở hiện nay
21	Khu phố/Ấp	Theo chỗ ở hiện nay

22	Số nhà, tên đường	Theo chỗ ở hiện nay
23	Số điện thoại liên hệ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2, số điện thoại này dùng để liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. (không được để trống)
24	Số định danh cá nhân	
25	Họ tên cha	
26	Nghề nghiệp cha	
27	Năm sinh cha	
28	Số điện thoại cha	
29	Họ tên mẹ	
30	Nghề nghiệp mẹ	
31	Năm sinh mẹ	
32	Số điện thoại mẹ	
33	Họ tên người giám hộ	
34	Nghề nghiệp người giám hộ	
35	Năm sinh người giám hộ	
36	Số điện thoại người giám hộ	
37	Căn cước cha	
38	Căn cước mẹ	
39	Căn cước người giám hộ	



Phụ lục III

TRƯỜNG DỮ LIỆU RÀ SOÁT ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Đính kèm Công văn số: 243/GDDT-VP ngày 07 tháng 3 năm 2025
của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	Trường dữ liệu rà soát	Ghi chú
1	Họ tên	
2	Ngày sinh	
3	Giới tính	
4	Dân tộc	
5	Quốc tịch	
6	Tôn giáo	
7	Tỉnh/Thành phố	Theo địa chỉ thường trú
8	Quận/Huyện	Theo địa chỉ thường trú
9	Xã/Phường	Theo địa chỉ thường trú
10	Tổ/Thôn/Xóm	Theo địa chỉ thường trú
11	Số nhà, tên đường	Theo địa chỉ thường trú
12	Tỉnh/Thành phố	Theo quê quán
13	Quận/Huyện	Theo quê quán
14	Xã/Phường	Theo quê quán
15	Tỉnh/Thành Phố	Theo nơi sinh
16	Quận/Huyện	Theo nơi sinh
17	Xã/Phường	Theo nơi sinh
18	Tỉnh/Thành phố	Theo chỗ ở hiện nay
19	Quận/Huyện	Theo chỗ ở hiện nay
20	Xã/Phường	Theo chỗ ở hiện nay
21	Khu phố/Ấp	Theo chỗ ở hiện nay

22	Số nhà, tên đường	Theo chỗ ở hiện nay
23	Số điện thoại liên hệ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2, số điện thoại này dùng để liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh. (không được để trống)
24	Số CCCD	
25	Nơi cấp	
26	Ngày cấp	
27	Số định danh cá nhân	
28	Họ tên cha	
29	Nghề nghiệp cha	
30	Năm sinh cha	
31	Số điện thoại cha	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2
32	Họ tên mẹ	
33	Nghề nghiệp mẹ	
34	Năm sinh mẹ	
35	Số điện thoại mẹ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2
36	Họ tên người giám hộ	
37	Nghề nghiệp người giám hộ	
38	Năm sinh người giám hộ	
39	Số điện thoại người giám hộ	Số điện thoại được sử dụng để xác thực VNEID mức độ 2
40	Căn cước cha	
41	Căn cước mẹ	
42	Căn cước người giám hộ	



Phụ lục IV

TRƯỜNG DỮ LIỆU RÀ SOÁT ĐỐI VỚI NHÂN SỰ

(Đính kèm Công văn số: 243/GĐT-V ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	Trường dữ liệu rà soát	Ghi chú
1	Họ tên	
2	Giới tính	
3	Ngày sinh	
4	Trạng thái công tác	
5	Ngày cập nhật trạng thái	
6	Số CCCD	
7	Ngày cấp	
8	Nơi cấp	
9	Email	
10	Điện thoại	
11	Dân tộc	
12	Tôn giáo	
13	Tỉnh/Thành phố	Theo địa chỉ thường trú
14	Quận/Huyện	Theo địa chỉ thường trú
15	Xã/Phường	Theo địa chỉ thường trú
16	Số nhà, tên đường	Theo địa chỉ thường trú
17	Tỉnh/Thành phố	Theo quê quán
18	Quận/Huyện	Theo quê quán
19	Xã/Phường	Theo quê quán
20	Là Đoàn viên	
21	Là Đảng viên	



22	Số sổ BHXH	
23	Vị trí việc làm	
24	Nhóm chức vụ	
25	Hình thức hợp đồng	
26	Ngày tuyển dụng	
27	Cơ quan tuyển dụng	
28	Nghề nghiệp khi được tuyển dụng	
29	Ngạch/Hạng	
30	Đã tập huấn dạy KN sống	
31	Chuyên trách đội	
32	Mức phụ cấp thu hút nghề (%)	
33	Mức phụ cấp thâm niên (%)	
34	Mức phụ cấp ưu đãi nghề (%)	
35	Mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo (%)	
36	Bậc lương	
37	Phần trăm vượt khung (%)	
38	Hệ số lương	
39	Ngày hưởng	
40	KQ B.đưỡng t.xuyên	
41	T.độ c.môn n.vụ	
42	T.độ LLCT	
43	T.độ quản lý GD	
44	Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ	
45	Ngoại ngữ chính	
46	Nhóm C.Chỉ N.Ngữ	
47	Loại C.Chỉ N.Ngữ	

48	Khung N.Lực N.Ngữ	
49	GV có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số	
50	Trình độ đào tạo ngoại ngữ	
51	T.độ tin học	
52	Chuyên ngành chính	
53	Trình độ chính	
54	Chuyên ngành khác	
55	Trình độ khác	
56	Tham gia bồi dưỡng CBQL cốt cán	
57	Tham gia bồi dưỡng thay sách	
58	Đánh giá viên chức	
59	Số tài khoản	
60	Ngân hàng	
61	Chi nhánh	
62	Mã số thuế cá nhân	

